Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Đã được kiểm toán)

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế

mgiworldwide

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Đã được kiểm toán)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	*Trang*
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9-21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam giữa Công ty Điện lực I - Việt Nam (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Bắc (EVN NPC)) và Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên, Hà Nam - Trung Quốc (LYIC) sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300244882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 28/05/2004, thay đổi lần thứ 8 ngày 10/01/2022. Trong năm 2021, các cổ đông nước ngoài là Công ty TNHH Tập đoàn Hứa Kế và Công ty TNHH Tập đoàn phát triển điện lực Cửu Vực Long Nguyên Hà Nam đã hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần sang cho các cổ đông là cá nhân người Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tham gia điều hành trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông:	Trần Anh Tuấn	Chủ tịch	*(Bổ nhiệm từ ngày 23/12/2021)*
Bà:	Trần Thị Thu Thủy	Ủy viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 23/12/2021)*
Bà:	Nguyễn Thị Phương	Ủy viên	*(Bổ nhiệm từ ngày 23/12/2021)*
Ông:	Nguyễn Khắc Ký	Chủ tịch	*(Miễn nhiệm từ ngày 23/12/2021)*
Ông:	Xue Ru Xin	Ủy viên	*(Miễn nhiệm từ ngày 23/12/2021)*
Ông:	Zhao Yi	Ủy viên	*(Miễn nhiệm từ ngày 23/12/2021)*
Ông:	Ma Yong Wu	Ủy viên	*(Miễn nhiệm từ ngày 23/12/2021)*
Bà:	Guo Li Feng	Ủy viên	*(Miễn nhiệm từ ngày 23/12/2021)*

Ban Tổng Giám đốc

Bà:	Trần Thị Thu Thủy	Tổng Giám đốc	*(Bổ nhiệm từ ngày 23/12/2021)*
Ông:	Xue Ru Xin	Tổng Giám đốc	*(Miễn nhiệm từ ngày 23/12/2021)*

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 2300244892 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC
H. QUẾ VÕ - T. BẮC NINH

Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588
Fax: (+84 24) 3868 6248
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 292/BCKT-TC/AVA-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/03/2022, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16-05-2022
SỐ CHỨNG THỰC 727 QUYỂN SỐ 01 SCT/BS

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

K/T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
VŨ HOÀNG

Nguyễn Sơn Thanh
Phó Tổng Giám đốc
GCNĐKHNKT số 0591-2018-126-1

Ngô Quang Tiến
Kiểm toán viên
GCNĐKHNKT số 0448-2018-126-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế
mgiworldwide

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**74.552.633.999**	**75.241.591.234**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**5.831.138.929**	**43.117.998.952**
1. Tiền	111		1.671.283.795	3.464.064.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.159.855.134	39.653.934.929
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**39.044.000.000**	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	39.044.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**23.024.710.129**	**25.556.824.405**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	22.129.423.800	25.215.922.466
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	895.286.329	340.901.939
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.05	**6.566.767.877**	**6.566.767.877**
1. Hàng tồn kho	141		6.566.767.877	6.566.767.877
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**86.017.064**	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.017.064	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09b	84.000.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**40.013.361.066**	**42.931.020.332**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**24.487.435.207**	**26.146.235.613**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	24.487.435.207	26.146.235.613
- Nguyên giá	*222*		*48.704.229.336*	*48.704.229.336*
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	*223*		*(24.216.794.129)*	*(22.557.993.723)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**15.525.925.859**	**16.784.784.719**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	15.525.925.859	16.784.784.719
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**114.565.995.065**	**118.172.611.566**

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**24.872.712.378**	**32.401.352.309**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**24.872.712.378**	**32.401.352.309**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	24.524.863.776	32.246.245.862
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09a	113.962.173	-
4. Phải trả người lao động	314		155.886.429	97.106.447
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	78.000.000	58.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**89.693.282.687**	**85.771.259.257**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.11	**89.693.282.687**	**85.771.259.257**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		88.485.000.000	88.485.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*88.485.000.000*	*88.485.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		386.400.000	386.400.000
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		821.882.687	(3.100.140.743)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(3.100.140.743)*	*(3.100.140.743)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*3.922.023.430*	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**114.565.995.065**	**118.172.611.566**

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thường	*Đỗ Thị Thường*	*Trần Thị Thu Thủy*

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**70.035.360.550**	**63.458.283.884**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**70.035.360.550**	**63.458.283.884**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	63.654.295.804	59.074.035.305
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**6.381.064.746**	**4.384.248.579**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.838.558.072	1.403.241.123
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.04a	-	65.975.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04b	4.186.554.596	4.908.112.686
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**4.033.068.222**	**813.401.652**
11. Thu nhập khác	31	VI.05	446	91.202
12. Chi phí khác	32	VI.06	-	22.000
13. Lợi nhuận khác	**40**		**446**	**69.202**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**4.033.068.668**	**813.470.854**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	111.045.238	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**3.922.023.430**	**813.470.854**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.09	**443**	**92**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	VI.09	**443**	**92**

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thường	*Đỗ Thị Thường*	*Trần Thị Thu Thủy*

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***4.033.068.668***	***813.470.854***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.658.800.406	1.494.107.258
- Các khoản dự phòng	03		-	(42.840.000)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(98.253.038)	(7.638.248)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.740.305.034)	(1.395.602.875)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***3.853.311.002***	***861.496.989***
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		2.446.097.212	(2.126.742.053)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		-	115.438.950
- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(6.969.453.994)	(589.291.393)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		1.258.858.860	1.286.121.014
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***588.813.080***	***(452.976.493)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(52.000.000)
2. Tiền thu từ T.lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.044.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.185.920.644	1.445.905.685
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(37.858.079.356)***	***1.393.905.685***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.115.893.373)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	***(2.115.893.373)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(37.269.266.276)**	**(1.174.964.181)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**43.117.998.952**	**44.298.436.744**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.593.747)	(5.473.611)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**5.831.138.929**	**43.117.998.952**

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thường	*Đỗ Thị Thường*	*Trần Thị Thu Thủy*

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Liên doanh sản xuất thiết bị điện miền Bắc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300244882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 28/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 10/01/2022. Trong năm 2021, các cổ đông nước ngoài là Công ty TNHH Tập đoàn Hứa Kế và Công ty TNHH Tập đoàn phát triển điện lực Cửu Vực Long Nguyên Hà Nam đã hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần sang cho các cổ đông là cá nhân người Việt Nam.

Vốn điều lệ: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300244882, vốn điều lệ của Công ty là tại ngày 31/12/2021 là: 88.485.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Chi tiết: Sản xuất công tơ điện tử.
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp bảng tủ điện cao áp, trung áp, hạ áp và các tủ bảng thông tin - viễn thông, các vật tư, thiết bị điện khác.
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Xây lắp các công trình điện và viễn thông công cộng.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là kinh doanh các vật tư, thiết bị điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh V.11 của bản Báo cáo tài chính này, trong năm các cổ đông nước ngoài là Công ty TNHH Tập đoàn Hứa Kế và Công ty TNHH Tập đoàn phát triển điện lực Cửu Vực Long Nguyên Hà Nam đã hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần sang cho các cổ đông là cá nhân người Việt Nam.

Ngoài ra, hoạt động trong năm của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC & Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	12-29 năm
- Máy móc thiết bị	07-12 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	10 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá ảnh hưởng trong việc tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế tới Báo cáo tài chính của Công ty , việc xác định sau cùng về nghĩa vụ của Công ty tùy thuộc vào kết quả thanh kiểm tra của cơ quan thuế. Công ty sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước sau khi nhận được Thông báo từ cơ quan có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền	***1.671.283.795***	***3.464.064.023***
- Tiền mặt tại quỹ	10.206.115	24.516.775
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.661.077.680	3.439.547.248
Các khoản tương đương tiền (*)	***4.159.855.134***	***39.653.934.929***
Cộng	**5.831.138.929**	**43.117.998.952**

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2021 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng gửi tại các Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
+ Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 01 năm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	11.044.000.000	11.044.000.000	-	-
Cộng	**39.044.000.000**	**39.044.000.000**	-	-

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	***22.129.423.800***	***25.210.216.385***
- Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp Á Châu	22.129.423.800	-
- Công ty CP đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ	-	57.839.900
- Công ty TNHH MTV ứng dụng công nghệ mới và du lịch	-	25.152.376.485
b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	-	***5.706.081***
- Công ty Điện lực Lai Châu	-	5.706.081
Cộng (*)	**22.129.423.800**	**25.215.922.466**

(*) Trong đó, phải thu các bên liên quan: Xem chi tiết tại thuyết minh VII.2

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký quỹ, ký cược	285.990.000	-	285.990.000	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	609.296.329	-	54.911.939	-
Cộng	**895.286.329**	-	**340.901.939**	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	3.961.973.823	-	3.961.973.823	-
- Công cụ, dụng cụ	63.187.476	-	63.187.476	-
- Chi phí sản xuất KD dở dang	52.146.398	-	52.146.398	-
- Thành phẩm	2.323.463.345	-	2.323.463.345	-
- Hàng hóa	165.996.835	-	165.996.835	-
Cộng (*)	**6.566.767.877**	-	**6.566.767.877**	-

(*) Hàng tồn kho chủ yếu là các vật tư, thiết bị điện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, do Công ty đã dừng sản xuất từ cuối năm 2019 nên số lượng các tài sản này không biến động trong năm. Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho để làm cơ sở trích lập giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có).

6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Chênh lệch giá trị quyền thuê đất, chi phí giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật	15.525.925.859	16.784.784.719
Cộng	**15.525.925.859**	**16.784.784.719**

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Xem phụ lục số 01 kèm theo

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP kỹ thuật công nghiệp Á Châu	-	-	21.899.580.891	21.899.580.891
- Chint Electrics (Hong Kong) Limited	9.480.818.186	9.480.818.186	9.596.664.971	9.596.664.971
- Công ty TNHH phát triển Xây dựng Việt Nam Kiến Hưng	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
- Công ty cổ phần Phát triển Điện Công Nghiệp Hà Nội	8.718.018.760	8.718.018.760	-	-
- Công ty TNHH thương mại Minh Yến	5.576.026.830	5.576.026.830	-	-
Cộng	**24.524.863.776**	**24.524.863.776**	**32.246.245.862**	**32.246.245.862**

9. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	31/12/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2021
a) Các khoản phải nộp	***113.962.173***	***1.110.372.053***	***996.409.880***	-
Thuế GTGT phải nộp	-	721.672.604	721.672.604	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.045.238	111.045.238	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.916.935	72.245.963	69.329.028	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	199.152.000	199.152.000	-
Phí, lệ phí, các khoản thuế khác	-	6.256.248	6.256.248	-
b) Các khoản phải thu	***84.000.000***	-	***84.000.000***	-
Tiền thuê đất	84.000.000	-	84.000.000	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí phải trả khác	78.000.000	58.000.000
Cộng	**78.000.000**	**58.000.000**

11. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	**88.485.000.000**	**386.400.000**	**(3.913.611.597)**	**84.957.788.403**
- Lãi trong năm trước	-	-	813.470.854	813.470.854
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	**88.485.000.000**	**386.400.000**	**(3.100.140.743)**	**85.771.259.257**
- Lãi trong năm nay	-	-	3.922.023.430	3.922.023.430
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	**88.485.000.000**	**386.400.000**	**821.882.687**	**89.693.282.687**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Tỷ lệ (%)	*Giá trị*	*Tỷ lệ (%)*	*Giá trị*
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc (EVN NPC)	26,26%	23.236.160.000	26,26%	23.236.160.000
- Trần Thị Thu Thủy	47,48%	42.012.680.000	0,00%	-
- Nguyễn Thị Phương	26,26%	23.236.160.000	0,00%	-
- Công ty TNHH Tập đoàn phát triển điện lực Cửu Vực Long Nguyên Hà Nam (*)	0,00%	-	26,26%	23.236.160.000
- Công ty TNHH Tập đoàn Hứa Kế (*)	0,00%	-	47,48%	42.012.680.000
Cộng	**100%**	**88.485.000.000**	**100%**	**88.485.000.000**

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc (NEEM) số 01/NQ-HĐQT ngày 15/06/2021 về việc ghi nhận thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên của Công ty với các nhà đầu tư mới. Theo đó Công ty TNHH Tập đoàn Hứa Kế chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần là 4.201.268 cổ phần tại NEEM cho bà Trần Thị Thu Thủy; Công ty TNHH Tập đoàn phát triển điện lực Cửu Vực Long Nguyên Hà Nam chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần là 2.323.616 cổ phần tại NEEM cho bà Nguyễn Thị Phương. Ngày 07/10/2021 bà Trần Thị Thu Thủy và bà Nguyễn Thị Phương chính thức là cổ đông của Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*88.485.000.000*	*88.485.000.000*
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	*88.485.000.000*	*88.485.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia cho các chủ sở hữu	-	-

12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	*31/12/2021*	*01/01/2021*
- Tiền USD	48.871,52	48.871,52

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC KQ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	70.035.360.550	63.458.283.884
Cộng (*)	**70.035.360.550**	**63.458.283.884**

(*) Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan của Công ty: Xem tại Thuyết minh số VII.2.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng bán (*)	63.654.295.804	59.074.035.305
Cộng	**63.654.295.804**	**59.074.035.305**

(*) Trong đó chi phí khấu hao tài sản cố định không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 là: 1.126.450.404 đồng.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.740.305.034	1.395.602.875
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	98.253.038	7.638.248
Cộng	**1.838.558.072**	**1.403.241.123**

4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí bán hàng	*Năm nay*	*Năm trước*
- Chi phí nhân viên	-	5.148.152
- Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	51.847.212
- Chi phí khác	-	8.980.000
Cộng	**-**	**65.975.364**

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	*Năm nay*	*Năm trước*
- Chi phí nhân viên	1.572.099.399	1.831.800.057
- Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	31.716.364	18.093.063
- Chi phí khấu hao TSCĐ	532.350.002	563.232.026
- Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	13.703.464	6.256.248
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	535.311.096	695.242.891
- Chi phí khác	1.501.374.271	1.793.488.401
Cộng	**4.186.554.596**	**4.908.112.686**

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	446	91.202
Cộng	**446**	**91.202**

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	-	22.000
Cộng	**-**	**22.000**

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.716.364	107.146.446
- Chi phí nhân công	1.572.099.399	1.989.497.728
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.658.800.406	1.494.107.258
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	549.014.560	753.961.995
- Chi phí dự phòng	-	86.970.567
- Chi phí khác	1.501.374.271	1.803.368.401
Cộng	**5.313.005.000**	**6.235.052.395**

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	***4.033.068.668***	***813.470.854***
Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ) (2)	***1.144.044.151***	***944.132.339***
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại tài khoản tiền gửi cuối kỳ	*17.593.747*	*5.473.611*
+ Chi phí khấu hao của TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	*1.126.450.404*	*938.658.728*
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) - (3)	**5.177.112.819**	**1.757.603.193**
Khoản lỗ được kết chuyển theo quy định (*)	**(4.621.886.630)**	**(1.757.603.193)**
Tổng thu nhập tính thuế sau khi kết chuyển lỗ (5)	**555.226.189**	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (7) = (5) * (6)	**111.045.238**	-
Thuế TNDN được miễn, được giảm (8)	-	-
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (9) = (7) - (8)	**111.045.238**	-

(*) Tại khoản 2, điều 9 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: "Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập (thu nhập chịu thuế đã trừ thu nhập miễn thuế) của những năm tiếp theo. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ". Theo quy định trên Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc năm 2019 phát sinh khoản lỗ tính thuế là: 6.379.489.823 đồng, khoản lỗ trên sẽ được chuyển toàn bộ và liên tục vào thu nhập của các năm tiếp theo trong thời gian 05 năm kể từ năm 2020. Năm 2020 Công ty đã kết chuyển lỗ vào thu nhập tính thuế với số tiền 1.757.603.193 đồng, năm 2021 Công ty xác định khoản lỗ được kết chuyển vào thu nhập tính thuế theo quy định là: 4.621.886.630 đồng.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp xác định số lỗ Công ty được chuyển khác với số lỗ do Công ty tự xác định thì số lỗ được chuyển xác định theo kết luận của cơ quan kiểm tra, thanh tra.

9. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.922.023.430	813.470.854
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.922.023.430	813.470.854
- Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	8.848.500	8.848.500
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	443	92
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	443	92

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2021 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do tại thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hàng năm, Công ty căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông sau ngày lập báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (EVN NPC)	Cổ đông của Công ty
Công ty Điện lực Lai Châu	Đơn vị trực thuộc EVN NPC
Công ty Điện lực Quảng Ninh	Đơn vị trực thuộc EVN NPC

b)Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	Mối liên hệ	Năm nay	Năm trước
Công ty Điện lực Quảng Ninh	Đơn vị trực thuộc EVN NPC	-	5.199.835.000
Bán và lắp đặt thiết bị cảnh báo sự cố cho lưới điện trung áp năm 2019		-	*5.199.835.000*
Công ty Điện lực Lai Châu	Đơn vị trực thuộc EVN NPC	-	3.158.060.000
Bán và lắp đặt thiết bị cảnh báo sự cố cho lưới điện trung áp năm 2019		-	*3.158.060.000*

d) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng	321.389.695	539.782.630
Cộng	**321.389.695**	**539.782.630**

3. Báo cáo theo bộ phận

Công ty không có chi nhánh hay văn phòng ở địa bàn khác trụ sở của Công ty, do đó Công ty không có Báo cáo bộ phận theo vị trí địa lý.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu bao gồm hoạt động xây lắp, cung cấp các thiết bị điện. Tuy nhiên do đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như do nhu cầu quản lý, tại một địa bàn có thể tiến hành hai hay nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau, một khoản chi phí có thể liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp khác nhau. Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành để xây dựng "Chính sách kế toán" tại Công ty, trong đó có "Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cũng như tập hợp chi phí kinh doanh, ghi nhận giá vốn". Căn cứ vào những nguyên tắc này, các khoản doanh thu, chi phí, thu nhập nếu liên quan đến nhiều đối tượng sẽ được phân bổ theo tiêu thức phù hợp. Do vậy, việc xây dựng báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh không được đặt ra tại Công ty, việc xác định kết quả theo từng hoạt động được đánh giá theo tiêu thức phân bổ phù hợp dựa trên hệ thống chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty cổ phần thiết bị điện Miền Bắc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Thường	*Đỗ Thị Thường*	*Trần Thị Thu Thủy*

Phụ lục 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, DCQL	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**38.523.323.644**	**8.202.544.740**	**1.853.916.364**	**53.363.636**	**71.080.952**	**48.704.229.336**
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
ĐT XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác		-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**38.523.323.644**	**8.202.544.740**	**1.853.916.364**	**53.363.636**	**71.080.952**	**48.704.229.336**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	**13.130.899.469**	**8.046.497.104**	**1.256.152.562**	**53.363.636**	**71.080.952**	**22.557.993.723**
Số tăng trong năm	**1.425.503.004**	**69.213.600**	**164.083.802**	-	-	**1.658.800.406**
Khấu hao trong năm (*)	1.425.503.004	69.213.600	164.083.802	-	-	1.658.800.406
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**14.556.402.473**	**8.115.710.704**	**1.420.236.364**	**53.363.636**	**71.080.952**	**24.216.794.129**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	**25.392.424.175**	**156.047.636**	**597.763.802**	-	-	**26.146.235.613**
Tại ngày cuối năm	**23.966.921.171**	**86.834.036**	**433.680.000**	-	-	**24.487.435.207**

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.466.141.499 đồng

(*) Công ty cổ phần Thiết bị điện miền Bắc đã dừng sản xuất từ cuối năm 2019, theo đó hầu hết các tài sản cố định trước đây tham gia vào hoạt động sản xuất của Công ty cũng đã dừng hoạt động từ cuối năm 2019. Công ty vẫn tiếp tục trích khấu hao những tài sản cố định này, giá trị đã khấu hao của những tài sản này trong năm 2021 là: 1.126.450.404 đồng.